

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **38/2020/DS-ST**
Ngày: 16-12-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN L, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ông Đinh Văn Tiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bùi Thanh Bình.**

2. Ông **Lữ Quốc Toàn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Châu Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 187/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **A**, sinh năm: 1968 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp C, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông **B**, sinh năm: 1988 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: 1. Bà **C**, sinh năm: 1966 (*có mặt*)

2. Ông **D**, sinh năm: 1963 (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: tổ 9, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông A, do ông B làm đại diện trình bày: ông A có mua bán cá heo với vợ chồng ông D và bà C từ năm 2016. Các bên mua bán với nhau thì người mua không thanh toán tiền ngay khi nhận hàng hóa mà sẽ thanh toán sau. Tính đến

ngày 17 tháng 10 năm 2019 thì bà C, ông D còn nợ ông A số tiền 80.395.000 đồng. Bà C có viết giấy xác nhận còn nợ 80.395.000 đồng. Ông A đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà C trả tiền nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay ông A yêu cầu bà C và ông D trả cho ông A số tiền mua cám còn thiếu là 80.395.000 đồng.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà C trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và đại diện nguyên đơn về số tiền nợ mua cám heo của ông A. Bà là người trực tiếp mua bán cám với ông A về để nuôi heo, phục vụ nhu cầu chung của gia đình. Tuy nhiên, do heo bị dịch bệnh chết nên bà không có khả năng trả nợ cho ông A. Bà là người trực tiếp mua bán với ông A nên bà có trách nhiệm trả số nợ còn thiếu cho ông A.

- Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về pháp luật áp dụng:

Việc mua bán giữa ông A với bà C, ông D diễn ra từ năm 2016 đến năm 2019. Như vậy, giao dịch giữa các bên được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015, do đó pháp luật được áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: ông A có đơn khởi kiện yêu cầu bà C và ông D trả tiền mua cám heo, do đó quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[4] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bà C và ông D có nơi cư trú tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về tư cách tố tụng: Ông A khởi kiện bà C, ông D, do đó, ông A là nguyên đơn, bà C, ông D là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông A ủy quyền cho ông B đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án, do đó, ông B là người đại diện theo ủy quyền của ông A theo quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A:

Ông A yêu cầu bà C và ông D trả cho ông A số tiền mua cám còn thiếu là 80.395.000 đồng. Bị đơn bà C cũng thừa nhận còn nợ tiền mua cám heo của ông A 80.395.000 đồng, đồng ý trả nợ cho ông A. Bà C trình bày mua cám heo để nuôi heo phục vụ chung cho cuộc sống gia đình, ông D là chồng bà C nên có trách nhiệm cùng bà C trả nợ cho ông A là phù hợp với quy định tại Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông A về việc yêu cầu bà C, ông D trả tiền cám heo còn thiếu là 80.395.000 đồng (Tám mươi triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà C và ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $80.395.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.019.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 85 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ 430; Điều 434; Điều 440 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông A đối với bà C, ông D.

Buộc bà C và ông D phải trả cho ông A số tiền 80.395.000 đồng (Tám mươi triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà C và ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.019.000 đồng (Bốn triệu không trăm mười chín ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng án phí là 2.009.000 đồng (*Hai triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng*) ông A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0009260 ngày 26/5/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A, bà C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Tiến